# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

## CTCP Tập đoàn Sunshine

| Ngày 31/12/2025 | 66,500 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | **-7.5%** | **-** | **1.4%** |

**DT thuần**
*Q4/25*
**15,364**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 11,131| 263%
YoY: ▲ 15,068| 5091%

**LN thuần**
*Q4/25*
**9,264**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 7,314| 375%
YoY: ▲ 9,055| 4332%

**LN sau thuế**
*Q4/25*
**7,256**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 5,748| 381%
YoY: ▲ 7,090| 4271%

**Tỷ suất lãi EBIT**
*2025*
**58.7%**
YoY: +/-▲ 13.5%

**ROE**
*2025*
**62.1%**
YoY: +/-▲ 52.5%

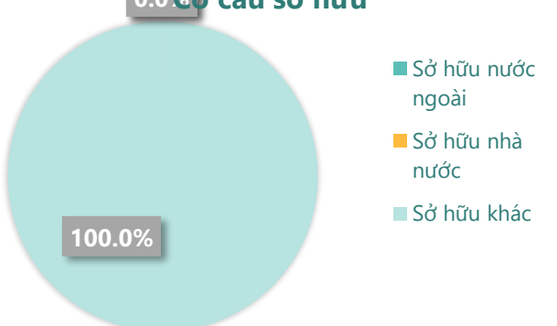
| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 39,800 - 90,900 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 59,836 |
| Số lượng CPLH (CP) | 899,787,308 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 27,045 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Beta | 0.29 |
| EPS | 9,211 |
| P/E | 7.2 |

**DT thuần**
*2025*
**20,247**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 17,778| 720%

**LN thuần**
*2025*
**11,352**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 10,378| 1066%

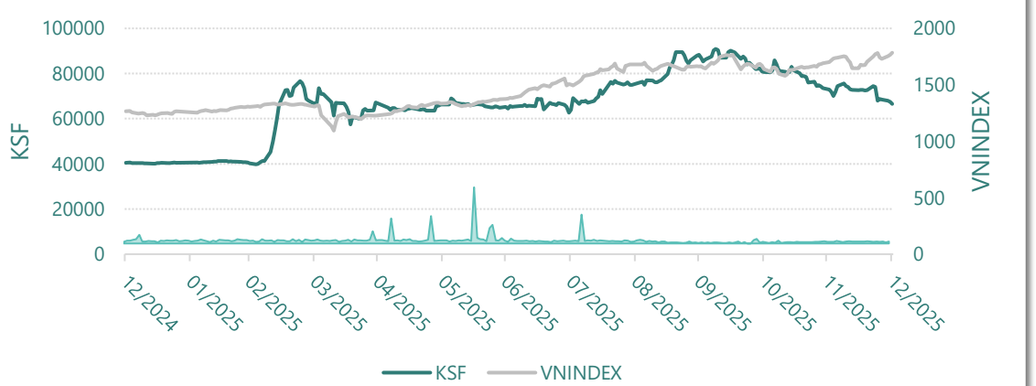
**LN sau thuế**
*2025*
**8,847**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 8,073| 1043%

### Cơ cấu sở hữu

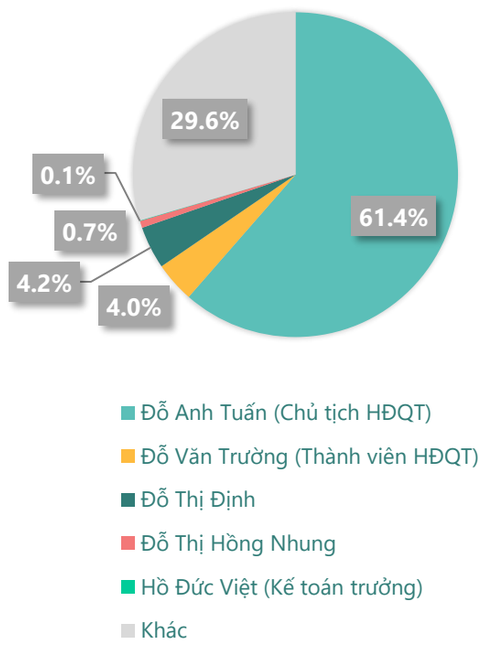



*(Nguồn: fireant.vn)*

### Lịch sử giá



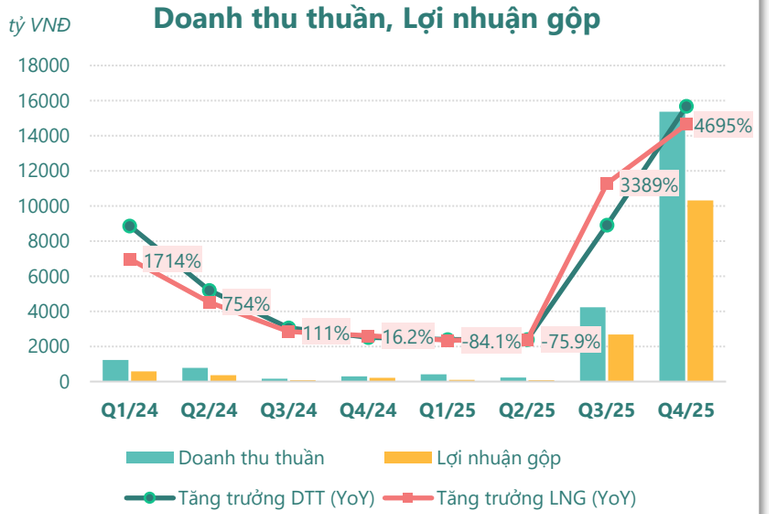

### Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

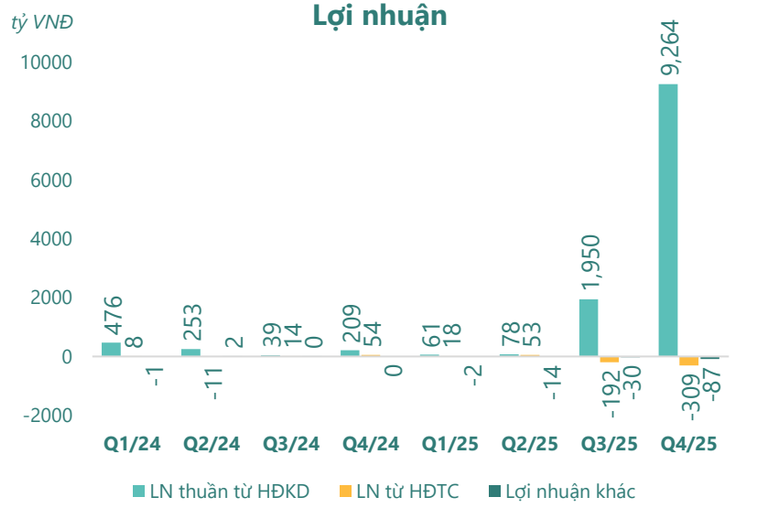
# KẾT QUẢ KINH DOANH

## Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



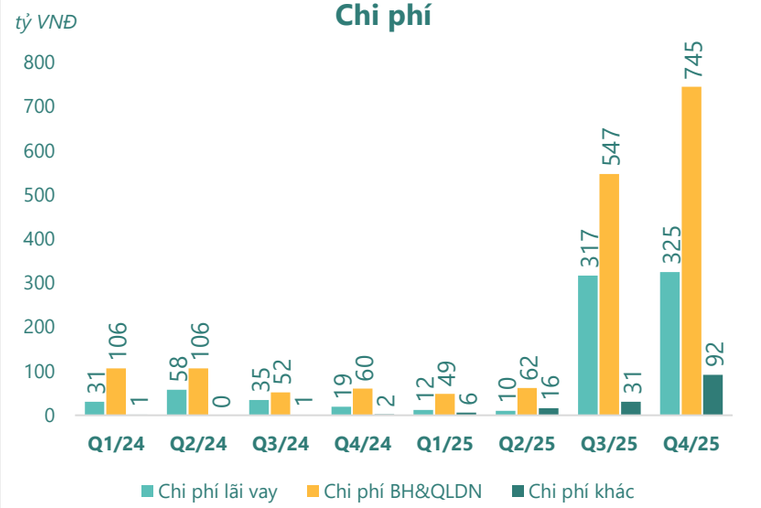

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lợi nhuận



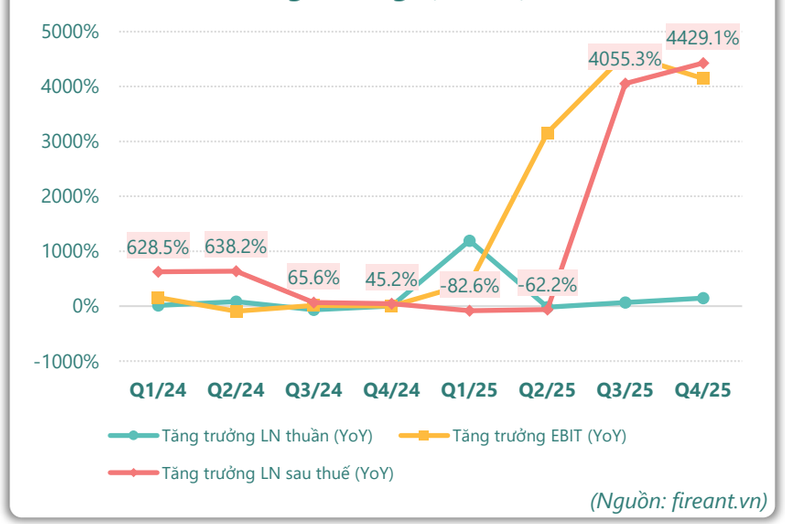

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chi phí



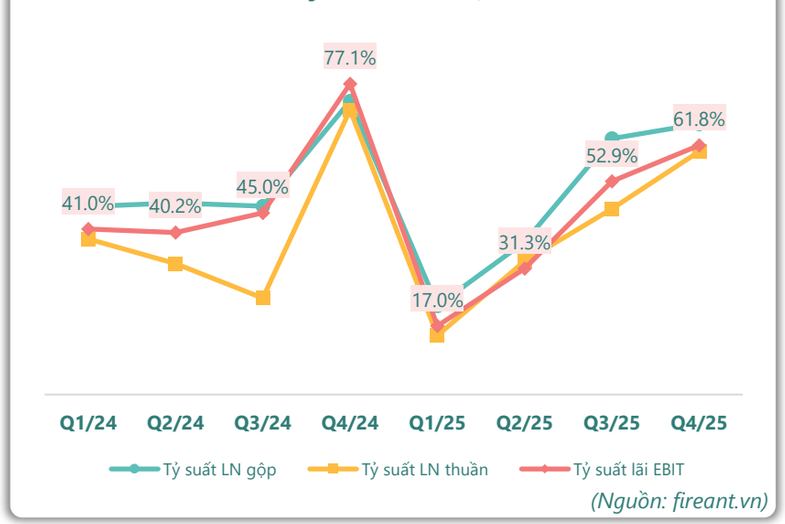

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tăng trưởng lợi nhuận



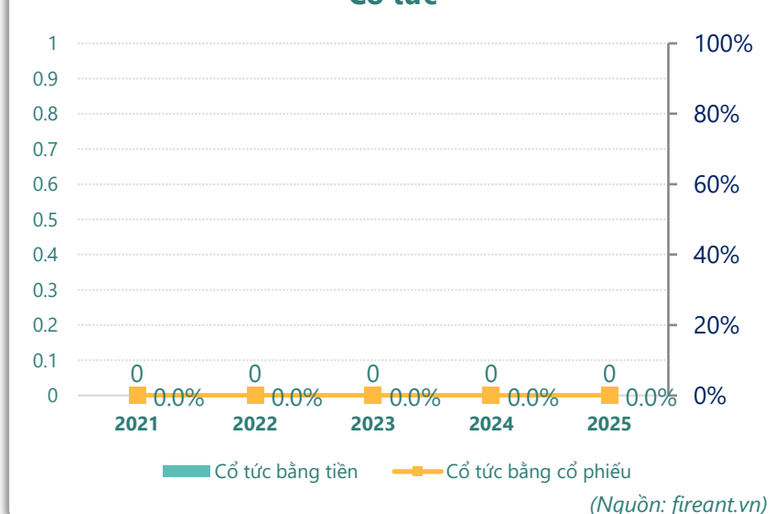

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi




*(Nguồn: fireant.vn)*

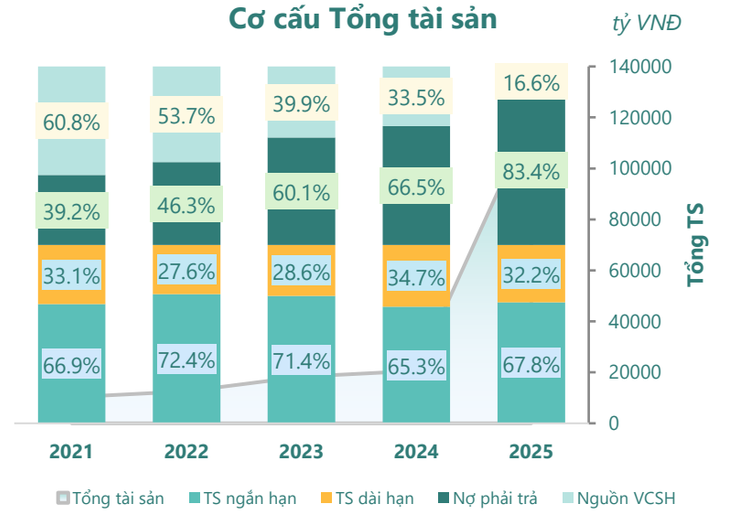
## Cổ tức




*(Nguồn: fireant.vn)*

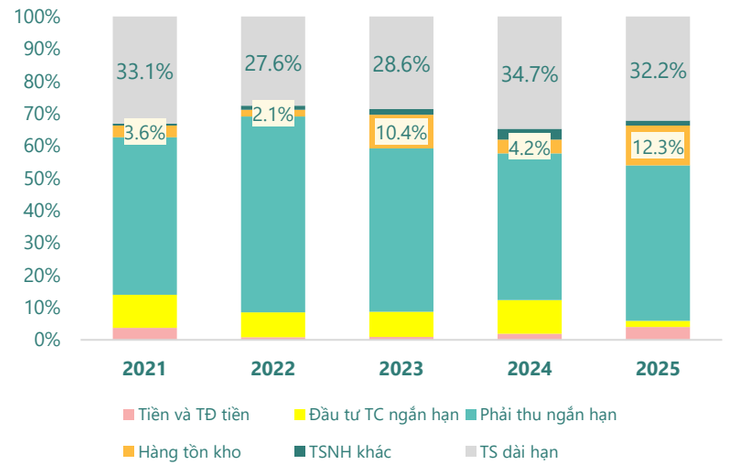
# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

## Cơ cấu Tổng tài sản



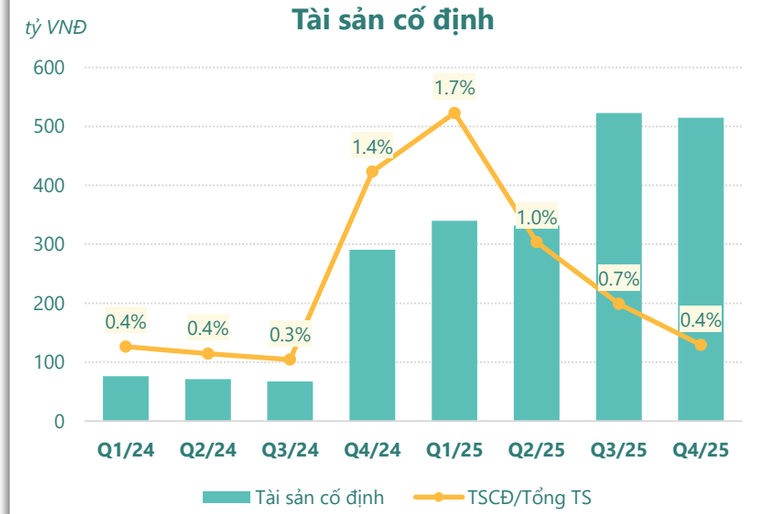

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



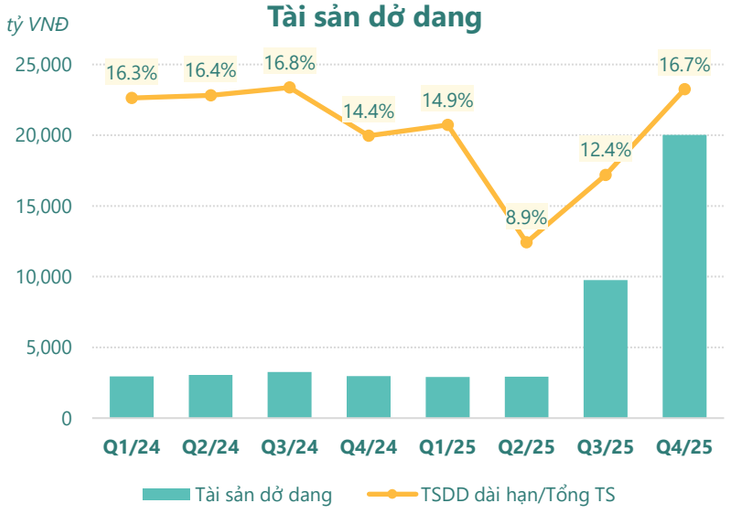

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



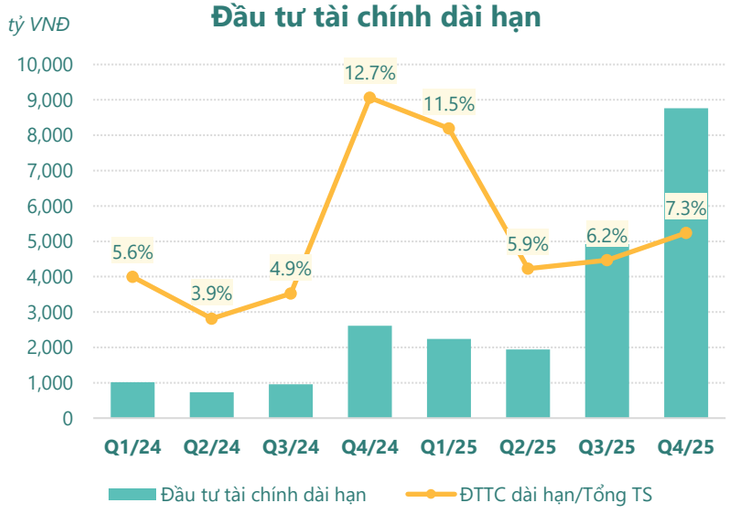

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản dở dang



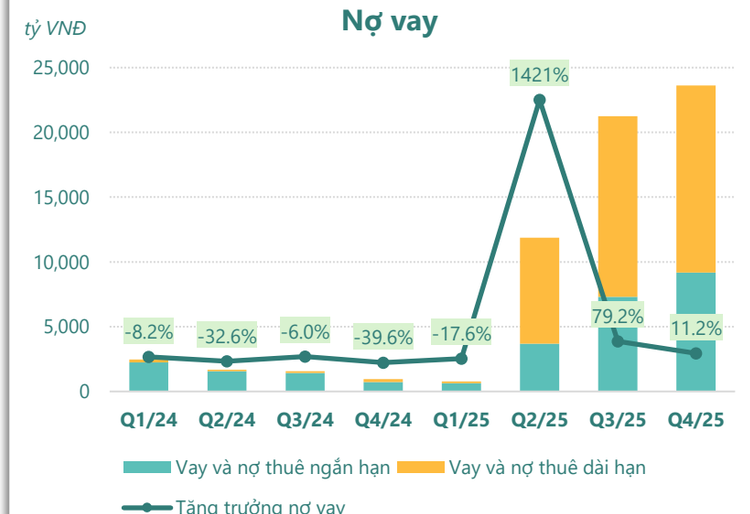

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Đầu tư tài chính dài hạn




*(Nguồn: fireant.vn)*

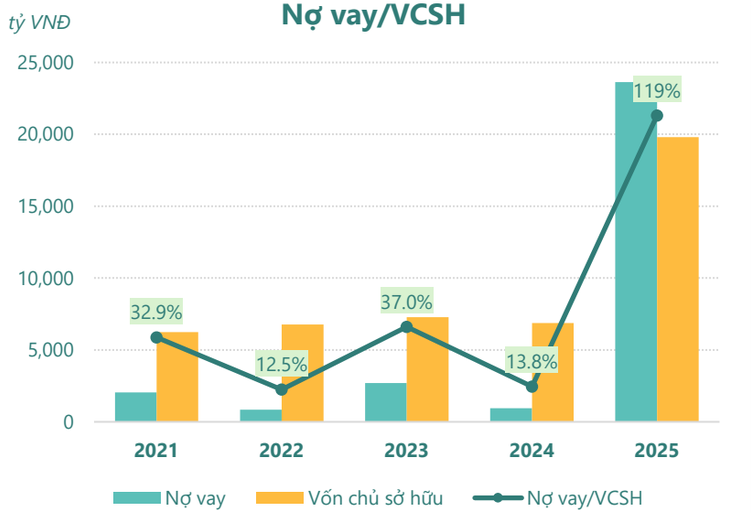
## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

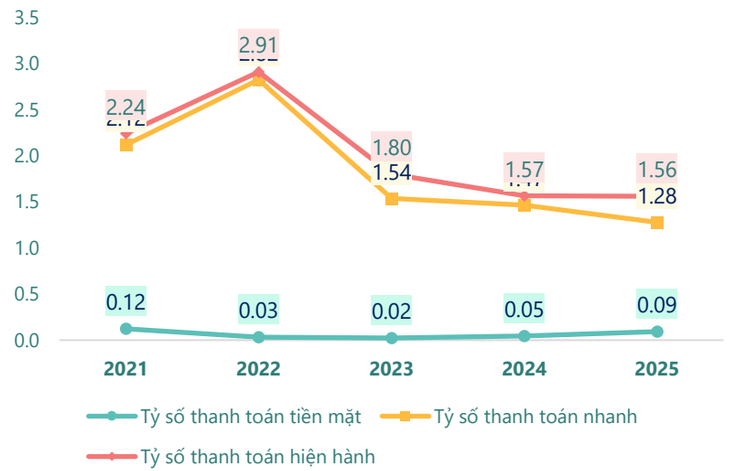
# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

## Nợ vay/VCSH



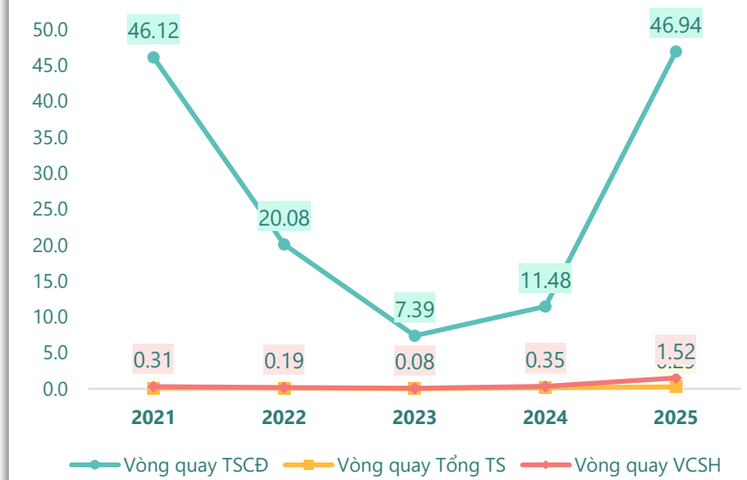

(Nguồn: fireant.vn)

## Chỉ số thanh khoản



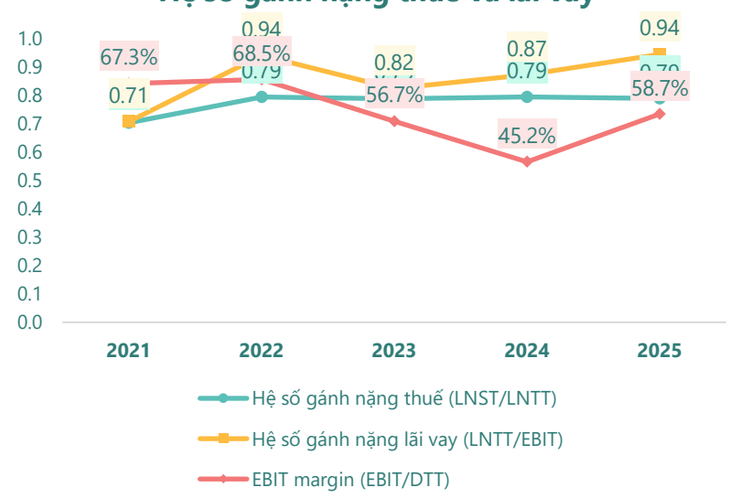

(Nguồn: fireant.vn)

## Vòng quay tài sản



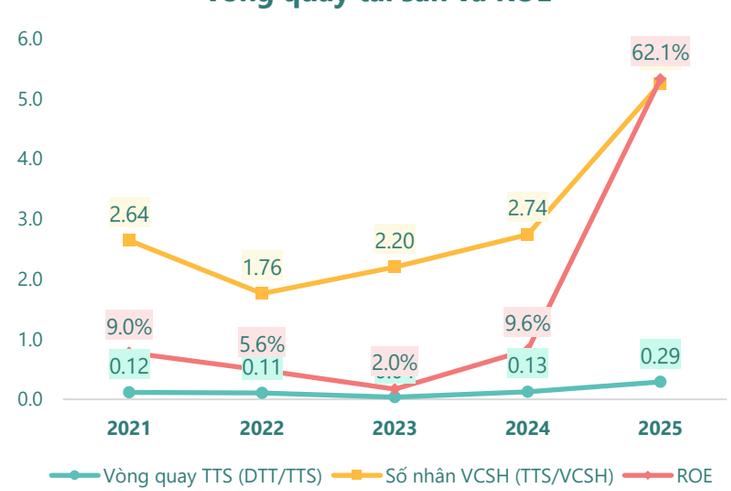

(Nguồn: fireant.vn)

## Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



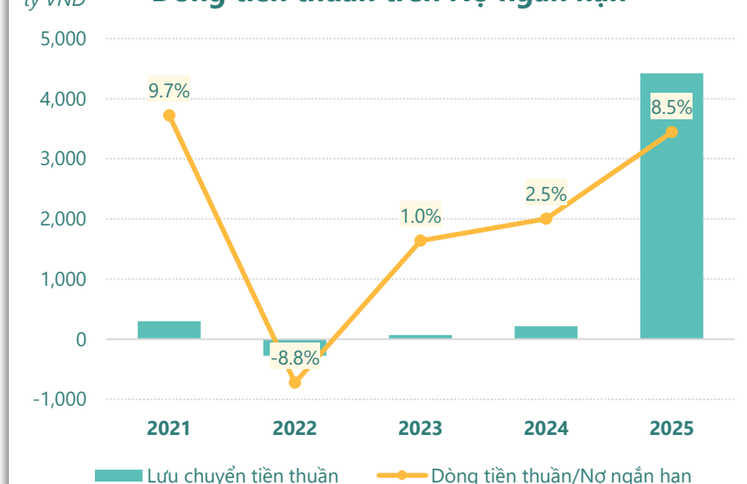

(Nguồn: fireant.vn)

## Vòng quay tài sản và ROE




(Nguồn: fireant.vn)

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn




(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q4/25 | Q4/24 | Thay đổi YoY | 2025 | 2024 | Thay đổi YoY |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **15,364** | **296** | **5091%** | **20,247** | **2,469** | **720%** |
| Giá vốn hàng bán | 5,047 | 80.5 | 6170% | 7,063 | 1,235 | 472% |
| **Lợi nhuận gộp** | 10,317 | 215 | 4699% | 13,183 | 1,235 | 968% |
| Doanh thu HĐTC | 573 | 187 | 207% | 1,095 | 698 | 56.7% |
| Chi phí TC | 882 | 133 | 563% | 1,524 | 635 | 140% |
| **Chi phí lãi vay** | 325 | 19.1 | 1601% | 664 | 143 | 366% |
| LN trong công ty LKLD | **0.28** | **0.02** | **1284%** | **0.79** | **0.02** | **4265%** |
| Chi phí bán hàng | 499 | 19.4 | 2473% | 1,024 | 158 | 547% |
| Chi phí QLDN | **245** | **41.0** | **499%** | **379** | **167** | **127%** |
| **LN thuần từ HĐKD** | 9,264 | 209 | 4332% | 11,352 | 974 | 1066% |
| Lợi nhuận khác | **-86.5** | **0.00** | | **-133** | **0.73** | **-18344%** |
| **LN trước thuế** | 9,177 | 209 | 4291% | 11,220 | 974 | 1051% |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **7,256** | **166** | **4271%** | **8,847** | **774** | **1043%** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **6,861** | **142** | **4732%** | **8,288** | **679** | **1120%** |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)* | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 | Q4/25 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -728 | 4,145 | -755 | -963 | 7,273 | 15,137 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | 688 | -3,149 | 793 | 358 | -13,551 | -7,472 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -100 | -718 | -167 | 545 | 7,482 | -4,260 |
| Tiền đầu kỳ | 248 | 108 | 386 | 257 | 197 | 1,401 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **-140** | **278** | **-129** | **-59.9** | **1,204** | **3,405** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 108 | 386 | 257 | 197 | 1,401 | 4,806 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **119,581** | **20,558** | **482%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 81,072 | 13,425 | 504% |
| Tiền và tương đương tiền | 4,806 | 386 | 1145% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 2,244 | 2,153 | 4.2% |
| Phải thu ngắn hạn | 57,488 | 9,323 | 517% |
| Hàng tồn kho | 14,687 | 866 | 1597% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1,847 | 697 | 165% |
| **Tài sản dài hạn** | **38,509** | **7,133** | **440%** |
| Phải thu dài hạn | 7,975 | 1,059 | 653% |
| Tài sản cố định | 515 | 348 | 47.8% |
| Bất động sản đầu tư | 1,164 | 412 | 182% |
| Tài sản dở dang | 20,022 | 2,874 | 597% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 8,759 | 2,431 | 260% |
| Tài sản dài hạn khác | **74.0** | **7.98** | **827%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 99,782 | 13,679 | 629% |
| **Nợ ngắn hạn** | **51,966** | **8,571** | **506%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 9,176 | 737 | 1144% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 1,141 | 451 | 153% |
| **Nợ dài hạn** | 47,816 | 5,108 | 836% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 14,447 | 209 | 6808% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **19,799** | **6,879** | **188%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **19,799** | **6,879** | **188%** |
| Vốn điều lệ | 8,998 | 3,000 | 200% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*